

Đơn vị đạo trong tổ chức quản lý ở khu vực biên giới Tây Nam giữa thế kỷ XVIII – giữa thế kỷ XIX

Bùi Thị Bích Ngọc*

Tóm tắt: Đạo với tư cách là đơn vị quân quản và đơn vị hành chính ra đời, tồn tại gắn liền với quá trình thâm thuộ, khai phá, xác lập và khẳng định chủ quyền của các chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn ở khu vực biên giới Tây Nam¹. Sự tồn tại của cấp đạo thể hiện bước quá độ, giai đoạn chuyển tiếp từ đơn vị bán hành chính thành đơn vị hành chính (cấp huyện) vào giai đoạn cuối thời Đàng Trong - đầu triều Nguyễn ở khu vực có nhiều đặc thù về lịch sử, văn hóa. Trên cơ sở khai thác các nguồn tư liệu, nhất là tư liệu thư tịch và kết quả điều tra điền dã, bài viết này tập trung làm rõ quá trình thiết lập, tồn tại, vai trò và sự chuyển đổi của các đơn vị đạo từ giữa thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX ở khu vực biên giới Tây Nam; qua đó góp phần đưa tới những nhận thức đầy đủ, hệ thống hơn về một đơn vị quản lý đặc biệt tồn tại trong giai đoạn lịch sử này.

Từ khóa: đạo; biên giới Tây Nam; chúa Nguyễn; nhà Nguyễn.

Ngày nhận 06/11/2020; ngày chỉnh sửa 25/12/2020; ngày chấp nhận đăng 30/6/2021

DOI: <https://doi.org/10.33100/tckhxhvnv7.3.BuiThiBichNgoc>

1. Mở đầu

Vào khoảng nửa cuối thế kỷ XVIII, chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong lần lượt thiết lập các đơn vị đạo tại những vùng đất mới sáp nhập thuộc khu vực Nam Bộ ngày nay. Sang thời Nguyễn, các đơn vị này vẫn tiếp tục được duy trì, tồn tại dưới hai triều vua Gia Long (1802-1819) và Minh Mệnh (1820-1841) trước khi được chuyển thành đơn vị hành chính cấp huyện. Theo thống kê từ chính sử, có khoảng 30 đạo ở khu vực Nam Bộ, trong đó có 9 đạo được thiết lập dọc biên giới Tây Nam. Tuy nhiên, chính quyền chúa Nguyễn và các vua đầu

triều Nguyễn hầu như không ban hành những quy định nhất quán đối với đơn vị này. Đến nay, những công trình đã công bố về bộ máy quản lý hành chính Nam Bộ thời chúa Nguyễn và nhà Nguyễn đều ít nhiều đề cập đơn vị đạo, nhưng chưa có nghiên cứu nào cụ thể. Thực tế lịch sử cho thấy, sự chuyển đổi từ đơn vị đạo sang các đơn vị hành chính khác dưới triều Nguyễn nằm trong quá trình thống nhất về mặt thể chế hành chính trên phạm vi quốc gia, nhưng đối với vùng đất phía Nam vẫn có tính chất khu biệt. Xuất phát từ những lý do đó, bài viết này tập trung khảo cứu các đơn vị đạo ở khu vực biên giới Tây Nam, thuộc địa phận các trấn/tỉnh ở Nam Bộ dưới thời chúa Nguyễn và nhà Nguyễn có biên giới trên đất liền giáp với các quốc gia Chân Lạp, Xiêm La. Đây vốn là các đơn vị quân quản đặc biệt, được thiết lập trên những vùng đất mới và trải qua quá trình chuyển đổi mạnh mẽ dưới

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội; email: bichngoclsu@gmail.com

¹ Biên giới Tây Nam trong bài viết dùng để chỉ khu vực các trấn/tỉnh thuộc vùng đất phía Nam có biên giới trên đất liền giáp với Chân Lạp (Cao Miên), Xiêm La dưới thời Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn.

thời Gia Long và Minh Mệnh. Qua nghiên cứu, tác giả mong muốn góp phần làm sáng tỏ những vấn đề cơ bản về quá trình thiết lập, tồn tại, vai trò và sự chuyển đổi của đơn vị này trong khoảng thời gian từ giữa thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX.

2. Khái lược về đơn vị đạo trong lịch sử Việt Nam

Trong lịch sử chế độ quân chủ Việt Nam, tên gọi “đạo” đã được sử dụng từ khá sớm để phân chia đơn vị hành chính - quân sự. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết, vào thời Đinh (968-980), lãnh thổ cả nước được chia thành 10 đạo, đồng thời quân đội cũng gồm 10 đạo, do chức “Thập đạo tướng quân” (Lê Hoàn) đứng đầu (Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê 1998a: 212, 230). Poliakov cho rằng, có lẽ đạo ở thời kỳ này liên quan đến 10 cánh quân do Đinh Bộ Lĩnh lập ra, chứ không mang ý nghĩa hành chính lãnh thổ (Poliakov 1996: 77). Tuy nhiên, sử liệu đã ghi chép khá rõ về việc triều Tiền Lê đổi các đạo thành lộ, phủ, châu vào năm 1002 (Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê 1998a: 230). Như vậy có thể xác định, đạo là tên gọi để chỉ cấp hành chính cao nhất tại các địa phương, cũng là đơn vị lớn nhất trong phiên chế quân đội thời kỳ đó (Phạm Đức Anh 2015: 17). Điều này phản ánh tính chất quân sự đậm nét trong tổ chức nhà nước thời Đinh và Tiền Lê. Tiếc rằng, hiện nay chúng ta không thể xác định được đầy đủ tên gọi, vị trí và quy mô của các đơn vị hành chính cấp đạo đó.

Năm 1010, Lý Công Uẩn sau khi lên ngôi đã tiếp tục cho đổi 10 đạo thành 24 lộ (Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê 1998a: 242). Sự kiện này được ghi chép đầu tiên trong *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* cũng nhắc đến sự kiện trên, song bản thân các sử gia nhà Nguyễn lại tỏ ý hoài nghi: “Nhà Đinh

đặt Thập đạo quân; Nhà Lê chia 10 đạo làm lộ, phủ, châu; Đến nay nhà Lý lại chia 10 đạo làm 24 lộ. Tên đạo và tên lộ ra sao, sử cũ đều không chép rõ” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007: 271). Chính do sự ghi chép không đầy đủ và thiếu nhất quán của sử cũ đã khiến không ít nhà nghiên cứu đến nay còn tranh luận về bản chất của thiết chế nhà nước thời Lý². Triều Trần (1226-1400) tiếp tục duy trì và hoàn chỉnh hệ thống hành chính địa phương từ thời Lý. Trong giai đoạn này, lộ/phủ là cấp hành chính phổ biến tại các địa phương, trong khi đơn vị đạo gần như không còn tồn tại (Phạm Đức Anh 2019: 329-345).

Năm 1418, khởi nghĩa Lam Sơn bùng nổ ở vùng rừng núi Thanh Hóa. Năm 1426, nghĩa quân Lam Sơn bắt đầu mở các cuộc tiến công ra Bắc, đánh vào đại bản doanh của quân Minh ở thành Đông Quan. Vào cuối năm đó, sau chiến thắng Tốt Động - Chúc Động, Lê Lợi bắt đầu chia các lộ Đông Đô làm 4 đạo (Tây Đạo, Đông Đạo, Bắc Đạo và Nam Đạo), cắt đặt quan chức quản lãnh (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007: 771-772). Đơn vị đạo tái xuất hiện trong bối cảnh cuộc khởi nghĩa Lam Sơn trở thành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc trên quy mô cả nước (Phan Huy Lê 2008: 15). Sách *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú cho biết: Tổ chức quan lại của 4 đạo giai đoạn này gồm có các viên Tổng tri, coi quản các sự vụ về quân và dân; Viên Phó (Tổng tri) kiêm việc trông coi sổ sách quân và dân (Phan Huy Chú 2007: 534).

Ngay sau khi thành lập triều Lê Sơ (năm 1428), Lê Thái Tổ chia cả nước thành 5 đạo³ (Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê 1998b: 293) trên cơ sở 4 đạo trước đó và đặt thêm

² Xem thêm (Minoru Katakura 1977); (Sakurai và cộng sự 1980); (Taylor 1990: 139-176); (Trần Thị Vinh 2008: 42-43); (Phạm Đức Anh 2015: 21-67).

³ *Đại Việt sử ký toàn thư* chép là chia cả nước thành 3 đạo.

đạo Hải Tây (khu vực Thanh Hóa, Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hóa). Dưới đạo là các lộ, trấn, phủ, rồi đến châu, huyện, xã. Năm Quang Thuận thứ 7 (1466), Lê Thánh Tông chia cả nước làm 12 thừa tuyên (cũng gọi là đạo hay đạo thừa tuyên)⁴ và phủ Trung Đô (kinh đô Thăng Long), đến năm 1471 lập thêm đạo Quảng Nam, thành 13 đạo⁵. Năm 1467, triều đình quyết định bãi bỏ việc Tổng binh các đạo kiêm nhiệm chức Thừa ty chính sử, chủ trương sử dụng các quan văn trông coi việc hành chính. Quan lãnh công việc tại các thừa tuyên (đạo) thời Lê Sơ thuộc về ba cơ quan (gọi là Tam ty) gồm: Thừa ty (trông coi hành chính - dân sự), Đô ty (quản về quân sự) và Hiến ty (phụ trách giám sát, tư pháp). Ba cơ quan này tồn tại độc lập, đồng cấp và có sự phân chia quyền lực.

Năm 1527, Mạc Đăng Dung thiết lập vương triều Mạc song vẫn duy trì cơ cấu hành chính của thời Lê. Tư liệu văn bia đương thời cho biết nhà Mạc vẫn dùng đạo làm đơn vị hành chính lớn nhất ở địa phương (Trần Thị Vinh 2013: 16) và duy trì tên gọi cũ của các đạo từ thời Lê Thánh Tông. Sau khi giành lại Thăng Long (1592), triều đình Lê - Trịnh đã xóa bỏ cấp thừa tuyên (đạo hay xứ) để thiết lập cấp trấn và duy trì ở Đàng Ngoài cho đến tận cuối thế kỷ XVIII. Trong khi đó, chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong lại thiết lập dinh là cấp hành chính địa phương cao nhất. Theo Li Tana, từ “dinh” có nghĩa là một đạo quân, đồng thời được sử dụng làm tên gọi đơn vị hành chính địa phương cao nhất trong khoảng 300 năm (Li 2014: 64). Đến thời

chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765), lãnh thổ Đàng Trong được chia thành 12 dinh và 1 trấn⁶. Mặt khác, trên lãnh thổ Đàng Trong dần xuất hiện trở lại đơn vị hành chính có tên là đạo, tuy không còn là cấp hành chính cao nhất ở các địa phương. Sử liệu thời kỳ này nhiều lần đề cập đến tên các đạo như Lưu Đồn, Nha Trang, Hưng Phúc, Trường Đồn, v.v. và đặc biệt xuất hiện với mật độ dày đặc ở vùng đất phía Nam.

Như vậy, trong lịch sử Việt Nam, đạo với tư cách là một đơn vị hành chính xuất hiện sớm nhất vào thế kỷ X, dưới thời Đinh. Thời kỳ đầu, đạo còn được sử dụng để chỉ đơn vị quân đội, qua đó phản ánh sự kết hợp chặt chẽ giữa quản lý hành chính và quân sự. Từ thời Lý - Trần (thế kỷ XI - XIV), tinh thần hành chính của cấp đạo ngày càng được thể hiện rõ nét, tuy nhiên cấp hành chính này chủ yếu được thiết lập ở vùng núi và biên viễn. Đến thời Lê - Mạc (thế kỷ XV - XVI), đạo (hay thừa tuyên) trở thành cấp hành chính cao nhất được thiết lập ở các địa phương trong phạm vi cả nước. Sang thế kỷ XVII - nửa đầu thế kỷ XVIII, đạo cơ bản không còn tồn tại ở Đàng Ngoài và chỉ xuất hiện lác đác ở Đàng Trong. Để rồi, đến nửa sau thế kỷ XVIII, đạo được tái lập nhiều ở khu vực Nam Bộ nhưng quy mô và tổ chức đã có nhiều thay đổi.

3. Về các đạo ở khu vực biên giới Tây Nam

Năm 1757 là thời điểm các đơn vị đạo ở vùng đất phía Nam bắt đầu xuất hiện trong ghi chép của tư liệu thư tịch triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục* cho biết, sau khi quốc

⁴ Thừa tuyên tức Thừa tuyên Bố chính sử ty, là cơ quan hành chính địa phương cao nhất dưới thời Minh (1368-1644) và được sử dụng ở Việt Nam từ thời Lê sơ (còn gọi là đạo hay đạo thừa tuyên) (Đình Khắc Thuần 2001: 16).

⁵ 13 đạo gồm: Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa, Thiên Trường, Nam Sách, Quốc Oai, Bắc Giang, An Bang, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn và Quảng Nam.

⁶ 12 dinh gồm: Cựu dinh, Chính dinh, Bố Chính, Quảng Bình, Lưu Đồn, Quảng Nam, Phú Yên, Bình Khương, Bình Thuận, Trấn Biên, Phiên Trấn, Long Hồ. Một trấn: Hà Tiên (Phan Khoang 2016: 349-350).

vuong Chân Lạp là Nặc Nguyên (Chey Chettha V) qua đời (năm 1755), triều đình Khmer rối loạn, Nặc Ong Tôn (Outey II - cháu Nặc Nguyên) chạy sang Hà Tiên cầu viện. Được chính quyền chúa Nguyễn và Mạc Thiên Tứ giúp đỡ lên ngôi, Nặc Ong Tôn sau đó đã dâng vùng đất Tầm Phong Long để tạ ơn. Tầm Phong Long là vùng đất rộng lớn, chạy dọc theo giữa triền sông Tiền và sông Hậu từ khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia ngày nay xuống tới Trà Vang (Trà Vinh) và Ba Thắc (Sóc Trăng và Bạc Liêu) (Trần Thị Mai 2009). Sau khi tiếp nhận vùng đất này, chính quyền chúa Nguyễn đã cho dời trị sở từ dinh Long Hồ qua xứ Tầm Bao, tại xứ Sa Đéc lập đạo Đông Khẩu, xứ Cù Lao Giêng (Tiền Giang) đặt làm đạo Tân Châu, xứ Châu Đốc làm đạo Châu Đốc, điều binh lính đến đóng giữ. Đồng thời, Nặc Ong Tôn cũng cắt đất 5 phủ Hương Úc, Cần Vọt, Chân Sum, Sài Mạt và Linh Quỳnh để tạ ơn Mạc Thiên Tứ. Mạc Thiên Tứ hiến lại cho chính quyền chúa Nguyễn và xin đổi đặt xứ Rạch Giá làm đạo Kiên Giang, xứ Cà Mau làm đạo Long Xuyên, cử quan trông coi, chiêu mộ dân cư, mở rộng đất đai ở xứ Hà Tiên.

Năm 1772, đạo Trường Đồn - tiền thân của dinh Trường Đồn (sau lại đổi thành trấn Định Tường) được thành lập ở khu vực Mỹ Tho, nay thuộc khu vực tỉnh Tiền Giang (Quốc sử quán triều Nguyễn 2002: 177). Sự ra đời của đạo Trường Đồn đã chấm dứt thời kỳ quản lý lỏng lẻo của chính quyền chúa Nguyễn đối với vùng đất Mỹ Tho mà ban đầu nằm dưới sự kiểm soát của các tướng Long Môn người Hoa (Đỗ Quỳnh Nga 2013: 86). Năm 1779, Nguyễn Ánh chia đất Gia Định thành các dinh: Trấn Biên, Phiên Trấn, Hoàng Trấn. Riêng đạo Trường Đồn là nơi yếu địa của 3 dinh trên nên đổi đặt làm dinh

Trường Đồn, quản lý huyện Kiến An gồm 3 tổng là Kiến Đăng, Kiến Hưng và Kiến Hòa. Đứng đầu cấp dinh là các chức quan Lưu thủ, Cai bạ và Ký lục. Đây là thời điểm chính thức vạch định địa giới của các dinh thuộc Gia Định, bỏ 9 khổ trường biệt nạp⁷ (để thu thuế) trước đó mà tiến hành thu thuế theo địa hạt từng dinh. Năm 1789, đạo Kiên Đồn được thiết lập ở vùng cửa sông Tà Ôn, thuộc địa phận dinh Vĩnh Trấn (nay thuộc khu vực tỉnh Vĩnh Long). Nguyễn Ánh sai Tham mưu Nguyễn Ngọc Chương và Cai cơ Nguyễn Văn Thư coi giữ và kiêm thu thuế của người Đường (Hoa kiều), mỗi người mỗi năm nộp 1 đồng bạc phiên (Quốc sử quán triều Nguyễn 2002: 249).

Ngoài các đạo đã nêu ở trên, còn có nhiều đạo khác cũng được thiết lập ở khu vực Nam Bộ. Tuy nhiên, sử liệu không cho phép xác định thời điểm chính xác, chỉ có thể đoán định vào khoảng nửa sau thế kỷ XVIII. Đáng chú ý, có ý kiến cho rằng đạo Trấn Giang (khu vực thành phố Cần Thơ) và Trấn Di (khu vực các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng) được Mạc Thiên Tứ thành lập ngay sau khi được giao nắm quyền ở Hà Tiên (năm 1736) (Trần Nhất Linh 2006: 60). Hai đạo này được thành lập với vai trò là các đồn binh nhằm bảo vệ định cư, tổ chức khai thác những vùng đất tốt thuộc hữu ngạn sông Hậu, nối liền phần đất của chính quyền chúa Nguyễn với những khu vực còn lại ở phía Nam (Đỗ Quỳnh Nga 2013: 110).

⁷ Gồm: Quy An, Quy Hóa, Cảnh Dương, Thiên Mục, Giản Thảo, Hoàng Lạp, Tam Lạch, Bá Canh và Tân Thịnh.

Bảng: Tổng hợp thông tin các đạo ở khu vực biên giới Tây Nam giữa thế kỷ XVIII - giữa thế kỷ XIX

STT	Tên đạo	Năm thiết lập	Trực thuộc	Sau đổi thành (năm)	Nay thuộc khu vực
1	Đông Khẩu	1757	Dinh Vĩnh Trấn	Huyện Vĩnh An, thuộc trấn Vĩnh Thanh (1808) Huyện Vĩnh An, thuộc tỉnh An Giang (1832)	Tỉnh Đồng Tháp
2	Châu Đốc	1757	Dinh Vĩnh Trấn	Huyện Tây Xuyên, tỉnh An Giang (1832)	Tỉnh An Giang
3	Tân Châu	1757	Dinh Vĩnh Trấn	Huyện Vĩnh An, thuộc trấn Vĩnh Thanh (1808) Huyện Đông Xuyên, tỉnh An Giang (1832)	Tỉnh An Giang
4	Hùng Ngr		Dinh Trấn Định ⁸	Huyện Đông Xuyên, tỉnh An Giang (1832) Huyện Kiến Phong, tỉnh Định Tường (1832)	Tỉnh Đồng Tháp
5	Chiến Sai		Dinh Vĩnh Trấn	Huyện Đông Xuyên, tỉnh An Giang (1832)	Tỉnh An Giang, tỉnh Đồng Tháp
6	Tuyên Oai		Dinh Trấn Định	Huyện Thuận An (Cửu An), tỉnh Gia Định (1832)	Tỉnh Long An
7	Quang Hoá		Dinh Phiên Trấn	Huyện Quang Hoá, phủ Tây Ninh (1836)	Tỉnh Tây Ninh
8	Quang Phong		Dinh Phiên Trấn	Huyện Tân Ninh, phủ Tây Ninh (1836)	Tỉnh Tây Ninh
9	Thuận Thành		Dinh Phiên Trấn	Huyện Tân Ninh, phủ Tây Ninh (1836)	Tỉnh Tây Ninh

⁸ Hoàng Việt nhất thống dư địa chí ghi chép hai đạo Hùng Ngr và Tuyên Oai thuộc quyền cai quản của cả hai dinh Trấn Định và Trấn Biên. Xem thêm: Lê Quang Định: 293 và 312.

Trên cơ sở tổng hợp các nguồn tư liệu, có thể khái quát về quá trình ra đời và tồn tại của một số đạo ở khu vực biên giới Tây Nam giữa thế kỷ XVIII - giữa thế kỷ XIX như sau:

3.1. Đạo Đông Khẩu

Năm 1757, sau khi sáp nhập vùng đất Tâm Phong Long vào lãnh thổ Đàng Trong, chúa Nguyễn đã lấy xứ Sa Đéc đặt làm đạo Đông Khẩu (Quốc sử quán triều Nguyễn 2002: 166-167). Sa Đéc trước đây có tên Khmer là “Phsar-Dek”, nghĩa là “Chợ Sắt” (Hội Nghiên cứu Đông Dương 2017a: 13). Cũng có ý kiến cho rằng đây là một địa danh có nghĩa là “miếu thờ hoặc miếu thờ thủy thần” trong tiếng Khmer hạ (Khmer krom), bởi chưa có minh chứng nào cho thấy Sa Đéc là chợ bán sắt trước năm 1757 (Hội Nghiên cứu Đông Dương 2017c: 8-9). Khi mới thành lập, đạo Đông Khẩu thuộc địa hạt dinh Vĩnh Trấn (sau là trấn Vĩnh Thanh), án ngữ ở vị trí có thể khống chế Đông Phố (tức phủ Nam Vang của Chân Lạp), vì vậy mới có tên gọi là đạo Đông Khẩu (Lê Quang Định 2002: 103).

Cai đội đầu tiên của đạo Đông Khẩu được sử liệu đề cập là Nguyễn Hữu Nhân (Quốc sử quán triều Nguyễn 2002: 177). Hiện ở đình Vĩnh Phước, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp còn lưu giữ một đạo sắc năm Minh Mệnh thứ 3 (1822) phong cho Cai cơ đạo Đông Khẩu là Đặc tiên phụ quốc Nhân Hòa hầu (Nguyễn Hữu Nhân) làm “Quảng ân Thực đức Trung đẳng thần”. Nguyễn Hữu Nhân có công lao trong việc cai quản, ổn định trật tự và tổ chức chống quân Xiêm ở khu vực này⁹. Năm 1772, Nguyễn Hữu

Nhân ốm nặng, Cai cơ Tổng Phước Hòa được cử làm Tổng binh đạo Đông Khẩu. Đến năm 1790, Cai cơ Tả quân Nguyễn Công Thịnh được cử giữ đạo Đông Khẩu (Quốc sử quán triều Nguyễn 2002: 266).

Đạo Đông Khẩu có mối quan hệ mật thiết với các dinh/trấn thuộc Gia Định thành như Long Hồ, Vĩnh Thanh, Định Tường. Đông Khẩu vừa là đạo (cấp hành chính), vừa là đồn thủ quân sự lớn ở khu vực Đồng Tháp Mười. Những năm đầu thời Nguyễn, vua Gia Long tiếp tục duy trì vị trí thủ sở và bộ máy quản lý đạo Đông Khẩu như trước đó. Thủ sở đạo Đông Khẩu nằm bên bờ sông Sa Đéc, là nơi “chợ phố liền nhau, thuyền bè đông đúc”, được coi là nơi “đại đô hội” của trấn Vĩnh Thanh (Trịnh Hoài Đức 2019: 102). Năm 1805, Nguyễn Huệ được cử làm Tham luận đạo Đông Khẩu (Quốc sử quán triều Nguyễn 2002: 623). Năm 1808, Gia Long quyết định đổi đặt một số đạo thành huyện. Khu vực đạo Đông Khẩu trở thành huyện Vĩnh An, trấn Vĩnh Thanh (trấn Vĩnh Thanh sau đổi thành tỉnh An Giang). Tuy nhiên, triều đình vẫn giữ nguyên bộ máy quản lý như cấp đạo trước đó, đặc biệt là chức năng phòng thủ quân sự. Năm 1813, Cai cơ Nguyễn Văn Khoa làm Quản thủ đạo Đông Khẩu. Năm 1819, Cai cơ Vọng Các là Phan Văn Hóa làm Quản thủ đạo Đông Khẩu (Quốc sử quán triều Nguyễn 2002: 990). Năm 1834, Tổng đốc An - Hà Trương Minh Giảng xin đổi đặt tên các thủ binh tại các tán sở, thủ sở ở tỉnh An Giang, đồng thời đề xuất bỏ thủ binh ở đạo Đông Khẩu, bấy giờ là phủ lỵ của phủ Tân Thành, tỉnh An Giang. Những dữ kiện trên cho thấy vị trí quan trọng đặc biệt của đạo Đông Khẩu trong hệ thống phòng ngự và an ninh ở khu vực biên giới Tây Nam những năm đầu thời Nguyễn.

⁹ Năm 1771, khi quân Xiêm La xâm lấn, vây trấn Hà Tiên, quân đạo Đông Khẩu dưới sự chỉ huy của Cai đội Nguyễn Hữu Nhân phối hợp với lực lượng dinh Long Hồ đón đánh, khiến quân Xiêm La thiệt hại nặng (Quốc sử quán triều Nguyễn 2002: 176).

3.2. Các đạo Tân Châu, Chiến Sai và Hùng Ngự

Đạo Tân Châu ra đời năm 1757, đặt thủ sở ở Cù Lao Giêng (tên gọi khác là bãi Doanh Châu hoặc Dinh Châu, nay thuộc tỉnh An Giang). Hai đạo Chiến Sai và Hùng Ngự có lẽ cũng ra đời vào khoảng thời gian này. Năm 1792, Cai cơ dinh Trung quân là Nguyễn Đức Thành được cử giữ đạo Tân Châu, kiêm quản hai đạo Hùng Thắng (sau đổi thành Hùng Ngự) và Chiến Sai (Quốc sử quán triều Nguyễn 2002: 288). Năm 1793, Nguyễn Đức Thành đi theo phò tá Hoàng tử Nguyễn Phúc Cảnh trấn giữ thành Diên Khánh, Cai cơ đốc chiến Nguyễn Khoa Cương được cử thay thế trông coi ba đạo trên. Nhưng ngay năm sau (1794), Cai cơ Nguyễn Đức Thành lại đảm nhiệm vị trí Quản đạo Tân Châu, Hùng Thắng, Chiến Sai (Quốc sử quán triều Nguyễn 2002: 312).

Đạo Chiến Sai đến nay còn được lưu lại dấu vết qua địa danh chợ Thủ, tức chợ Long Điền, xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Theo nhà văn Sơn Nam, tên gọi Chiến Sai bắt nguồn từ tiếng Khmer là “Kiên Svai”, nghĩa là chòm cây xoài (Sơn Nam 2009: 169). Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng tên gọi Chiến Sai bắt nguồn từ cách đặt tên các đạo, đồn, thủ, tấn, bảo theo chữ Hán Việt với ý nghĩa thể hiện sự mạnh mẽ, hùng hậu, v.v.. Thủ sở của đạo Chiến Sai được đặt cách rạch Trà Thôn (rạch Tú Điền) 80 tằm ($\approx 0,2\text{km}$), hai bên bờ nhà cửa của binh lính và dân cư ở liên tiếp nhau (Lê Quang Định 2002: 104).

Về đạo Hùng Ngự, theo *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, thuộc quyền quản lý của dinh Trấn Định (cùng với đạo Tuyên Oai) (Lê Quang Định 2002: 317). Thủ sở đạo Hùng Ngự¹⁰ (cũ) đặt ở gần cửa rạch Đốc Vàng Thượng (địa bản xã Tân Thạnh, huyện

Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp). Các địa danh Hùng Ngự còn lại đến ngày nay (thị xã Hùng Ngự, rạch Hùng Ngự, v.v.) là do đọc chệch từ tên Hùng Ngự ban đầu.

Dưới thời Gia Long, thủ sở đạo Tân Châu ban đầu được đặt ở Dinh Châu (Cù Lao Giêng) nằm giữa sông Tiền, phía Đông là đạo Chiến Sai, phía Tây là đạo Hùng Ngự. Đạo Tân Châu, Chiến Sai thuộc quyền quản lý của dinh Vĩnh Trấn (sau là trấn Vĩnh Thanh); Đạo Hùng Ngự thuộc dinh Trấn Định (sau là trấn Định Tường). Trong đó, đạo Tân Châu nằm ở vị trí trung tâm, quản lãnh cả hai đạo Chiến Sai và Hùng Ngự. Các Cai cơ Trương Phúc Quyền (năm 1813) và Võ Văn Sáng (năm 1817) lần lượt được cử làm Quản thủ của cả 3 đạo này (Quốc sử quán triều Nguyễn 2002: 867, 950). Đạo Tân Châu là tuyến phòng thủ biên giới thứ hai sau đạo Châu Đốc, chịu trách nhiệm “phòng bị kẻ gian, thu thuế buôn bán” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2006d: 220), ngăn chặn đường tiến của quân Xiêm. Bên cạnh đó, đạo Tân Châu còn giữ vị trí quan trọng trong con đường ngoại giao giữa chính quyền chúa Nguyễn và triều đình Chân Lạp.

Năm 1818, thủ sở của ba đạo Tân Châu, Chiến Sai, Hùng Ngự được di dời đến các địa điểm mới sát biên giới Chân Lạp. Sách *Gia Định Thành thông chí* ghi chép: “Năm Gia Long thứ 17 (1818), dời thủ sở đạo Tân Châu đến cù lao Long Sơn (Cái Vừng), đạo Chiến Sai¹¹ đến cửa trên sông Hiệp Ân (rạch Sở Thượng), đạo Hùng Ngự đến cửa dưới sông Hiệp Ân (vàm rạch Hồng Ngự)” (Trịnh Hoài Đức 2019: 548). Đến năm 1826, Quân cơ Lê Văn Chính được cử cai quản ba đạo Tân Châu, Chiến Sai và Hùng Ngự (Quốc sử quán triều Nguyễn 2006a: 486). Đồng thời, bên cạnh chức Quản đạo, triều đình còn đặt thêm chức Hiệp thủ ở đây vì ba đạo này thuộc địa đầu biên giới, nằm trên đường

¹⁰ Cần phân biệt thủ Hùng Ngự và thủ Hùng Sai là khác nhau. Xem thêm: Trịnh Hoài Đức 2019: 235.

¹¹ Thủ sở đạo Chiến Sai sau đổi tên thành bảo An Lạc (năm 1840).

bang giao và buôn bán qua lại giữa Việt Nam - Chân Lạp - Xiêm La (Quốc sử quán triều Nguyễn 2006a: 541). Năm 1829, Phó vệ úy vệ Tiền bảo nhất là Đặng Phúc Cần lĩnh chức Quản thủ ba thủ Tân Châu, Chiến Sai và Hùng Ngự (Quốc sử quán triều Nguyễn 2006a: 878). Năm 1837, triều đình quyết định đặt thủ sở Tân Châu, Hùng Ngự làm cửa quan để thu thuế, sang đến thời Tự Đức thì bãi bỏ các thủ sở này (Quốc sử quán triều Nguyễn 2006d: 220).

3.3. Đạo Tuyên Oai

Đạo Tuyên Oai (cũng đọc là Tuyên Uy) là địa bàn sinh sống chủ yếu của người Việt, người Hoa và người Khmer, ngày nay thuộc khu vực huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An. Thủ sở của đạo Tuyên Oai¹² nằm ở phía Tây, thượng lưu sông Bát Chiên (sông Vàm Cỏ Tây), thuộc địa giới cực Bắc của trấn Định Tường. Sách *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* cho biết, từ kênh Vung Gù (rạch Bảo Định) theo sông lớn đi lên 40.450 tầm¹³ ($\approx 103\text{km}$) đến thủ sở đạo Tuyên Oai, giáp giới Cao Miên (Lê Quang Định 2002: 313). Có thể phỏng đoán địa điểm này ứng với thị trấn Mộc Hóa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An ngày nay.

Thủ sở đạo Tuyên Oai có nhiệm vụ chính là thu thuế các thuyền buôn vào buôn bán trong các súc (srock) của người Cao Miên, tất cả các loại hàng hóa cứ 10 phần thì thu 1 phần (Lê Quang Định 2002: 314). Tuy nhiên, dân buôn bán thường đi đường thủy từ sông Bát Chiên qua sông Vàm Dừa (khúc sông Sở Hạ hợp lưu với rạch Cái Cò) đến phủ Cầu Nam (Ba Nam, Ba Cầu Nam) (nay thuộc tỉnh Pray Veng, Campuchia) của Cao Miên để chở lậu hàng hóa đến Nam Vang.

Chính vì thế, đạo Tuyên Oai còn quản lý hai phân thủ (chi thủ) là Bông Cà Minh¹⁴ (Phong Kha Minh, Phong Kha Miên) và Thông Bình. Đồn phân thủ Bông Cà Minh cách vàm kênh Vung Gù khoảng 32.420 (tầm $\approx 83\text{km}$), thuộc địa bàn huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An ngày nay. Đồn phân thủ Thông Bình cách thủ sở đạo Tuyên Oai 4.935 tầm ($\approx 12,6\text{km}$) (Lê Quang Định 2002: 314) thuộc địa bàn huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Hai đồn này vừa là nơi buôn bán, giao dịch giữa người Miên và người Việt, vừa là điểm kiểm soát người qua lại, tuần phòng biên cảnh, cửa ngõ địa đầu trọng yếu của trấn Định Tường.

Vào những năm cuối thế kỷ XVIII, đạo Tuyên Oai là địa bàn xảy ra nhiều biến động ở khu vực biên giới Việt - Miên. Thời kỳ này, Chân Lạp nằm trong vòng kiểm tỏa của Xiêm La. Năm 1790, chính quyền Đàng Trong cấm các thuyền buôn đi qua các đạo thủ Quang Hóa, Tuyên Oai, Thông Bình để buôn bán với Chân Lạp (Quốc sử quán triều Nguyễn 2002: 266). Năm 1797, đạo Tuyên Oai bị người Man ở Chân Lạp cướp phá, chúa Nguyễn phải cử tướng lĩnh đi đánh dẹp (Quốc sử quán triều Nguyễn 2002: 360).

Đến triều Nguyễn, thủ sở Bông Cà Minh ngày càng phát triển, người dân sinh sống đông đúc, ruộng đất khai khẩn được mở rộng, khiến vai trò của thủ sở đạo Tuyên Oai mờ nhạt dần. Năm 1819, triều đình quyết định dời thủ sở Bông Cà Minh từ hạ lưu sông Bát Chiên, cách đạo Tuyên Oai 37 dặm¹⁵ ($\approx 21\text{km}$) đến đồn Thông Bình (cách đồn Bông Cà Minh 101 dặm ($\approx 58\text{km}$)). Còn thủ sở Thông Bình dời đến Da Giang (ở thượng lưu sông Bát Chiên, làm giới hạn cực Tây của Định Tường) (Quốc sử quán triều Nguyễn 2002: 989). Từ thời điểm này, tên gọi Tuyên Oai chỉ còn được sử liệu nhắc

¹² Thủ sở đạo Tuyên Oai có thể tương ứng với thị trấn Mộc Hóa, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An. Xem thêm: Trịnh Hoài Đức 2019: 201.

¹³ 1 tầm $\approx 256\text{cm}$.

¹⁴ Thủ sở Bông Cà Minh sau đổi tên thành thủ Trấn Nguyễn rồi bảo Trấn Nguyễn.

¹⁵ 1 dặm $\approx 576\text{m}$.

đến với vai trò đồn Tuyên Oai thuộc trấn Định Tường (và tỉnh Gia Định từ sau năm 1832).

3.4. Đạo Châu Đốc

Đạo Châu Đốc ra đời cùng thời điểm với đạo Đông Khẩu và Tân Châu, năm 1757. Tên gọi Châu Đốc (Chu Đốc) xuất hiện thống nhất trong sử liệu nhà Nguyễn, nhưng có những cách lý giải khác nhau. Một số ý kiến cho rằng đây là cách nói trại từ tiếng Khmer là “meath-chruk” có nghĩa là “mõm heo” - tên gọi trước đây của cù lao được hình thành bởi sông Tiền và sông Hậu, sông Neréa và sông Vàm Nao. Người Khmer cũng gọi cù lao này là “Sla-Két” có nghĩa là “Cây Cau dại” (Hội nghiên cứu Đông Dương 2017b: 13). Giả thuyết khác (Hội nghiên cứu Đông Dương 2017b: 13) cho rằng tên gọi liên quan đến Thoại Ngọc Hầu - vị danh tướng thời Nguyễn có nhiều công lao khai phá, phát triển vùng đất này. Chữ “Châu” là lấy từ họ của bà Châu Thị Tế (vợ Thoại Ngọc Hầu), chữ “Đốc” là danh hiệu vua ban cho vị quan đầu tỉnh¹⁶. Các tác giả của *Monographie de la province de Chau Doc* tán thành cách hiểu “Đốc” là danh hiệu được ban chủ yếu cho các vị quan võ và tỉnh này do một vị đốc - bộ chỉ huy. Gần đây, một số nhà nghiên cứu nhận định, chữ “Châu” có nghĩa là son, chữ “Đốc” có nghĩa là đốc lòng, trung thành. Tên gọi Châu Đốc được các chúa Nguyễn định đặt cho vùng đất mới với mong muốn xác lập chủ quyền, giữ lòng trung thành, son sắc (Lương Chánh Tông 2019: 31).

Khi mới thành lập, đạo Châu Đốc nằm trong khu vực thuộc quyền quản lý của dòng họ Mạc. Năm 1771, khi quân Xiêm La vây

trấn Hà Tiên, Mạc Thiên Tứ phải bỏ chạy, các con trai của ông là Mạc Tử Hoàng, Mạc Tử Thăng, Mạc Tử Duyên đem quân từ đạo Châu Đốc xuống ứng cứu (Quốc sử quán triều Nguyễn 2002: 176). Sách *Đại Nam hội điển sự lệ* thì cho biết, đạo Châu Đốc giai đoạn này thuộc vào dinh Long Hồ (cùng với đạo Long Xuyên, Kiên Giang và sở Phú Quốc) (Nội các triều Nguyễn 2004b: 29). Năm 1788, Nguyễn Ánh bắt đầu thiết lập một hệ thống chính quyền mới ở vùng đất phương Nam. Năm 1790, Cai cơ Tả quân Vũ Công Lễ được cử giữ đạo Châu Đốc (Quốc sử quán triều Nguyễn 2002: 266). Năm 1793, Cai cơ đốc chiến Nguyễn Khoa Cương là Quận đạo của hai đạo Tân Châu và Châu Đốc (Quốc sử quán triều Nguyễn 2002: 304).

Đạo Châu Đốc tồn tại từ năm 1757 đến năm 1818, gọi là Châu Đốc tân cương, có ranh giới phía Bắc là sông Tiền, phía Tây Bắc là biên giới Châu Đốc - Cao Miên, phía Tây Nam giáp đất Hà Tiên, phía Đông Nam giáp đất Sa Đéc (Đồng Tháp - Cần Thơ) ngày nay (Cao Thanh Tân 2009: 247). Dưới thời Gia Long, đạo Châu Đốc trực thuộc dinh Vĩnh Trấn (sau là trấn Vĩnh Thanh). Năm 1812, Phó đô thống chế Hữu dinh quân Thần sách là Nguyễn Văn Trí và Chương dinh Võ Doãn Văn quản suất binh thuyền thay Trần Văn Năng đóng giữ các đạo Tân Châu, Châu Đốc (Quốc sử quán triều Nguyễn 2002: 846). Thủ sở của đạo Châu Đốc thuộc tổng Bình An, châu Định Viễn, dinh Vĩnh Trấn (Lê Quang Định 2002: 329).

Năm 1816, Gia Long cử Phó tướng Tả quân Nguyễn Văn Xuân, Trấn thủ Vĩnh Thanh Lưu Phúc Tường và Giám thành sứ Nguyễn Đức Sĩ phụ trách đắp bảo¹⁷ Châu Đốc. Đồng thời, ra lệnh điều động 3.000 lính ở Gia Định và bốn trấn cùng 2.000 quân

¹⁶ Giả thuyết này không phù hợp, bởi tên gọi Châu Đốc đã xuất hiện từ thời chúa Nguyễn, trước thời gian Thoại Ngọc Hầu cai quản vùng đất này. Hơn nữa, chức vụ Tổng đốc đứng đầu các tỉnh chỉ bắt đầu có từ năm 1832 khi Minh Mệnh tiến hành cải cách hành chính.

¹⁷ Bảo là một đồn thủ quân sự có quy mô lớn, thường được xây đắp tại các vùng địa thế hiểm yếu, quan trọng đối với việc phòng ngự biên cương.

dân người Chân Lạp thực hiện công trình này. Lý giải cho việc đắp bảo Châu Đốc, Gia Long xuống dụ cho vua Chân Lạp là Nặc Ong Chân rằng: “Việc đắp bảo này không phải là muốn phiền dân, mà cốt là bảo vệ Hà Tiên để sách úng cho Nam Vang. Vương nên chọn ủy quan viên người nào lanh lợi siêng năng cho đem quân dân đến làm, khiến mọi người đều vui lòng như con đến làm cho cha vậy” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2002: 917). Năm 1817, bảo thành Châu Đốc được hoàn thành. Sự kiện xây đắp bảo Châu Đốc cho thấy vị trí và vai trò quan trọng của khu vực đạo Châu Đốc đối với vấn đề phòng ngự biên cương. Cũng năm này, Gia Long thấy đất đai đạo Châu Đốc mầu mỡ mà nhân dân thưa ít, liền cử An phủ Chân Lạp là Diệp Hội (người Thanh làm quan Chân Lạp) làm Cai phủ Châu Đốc. Diệp Hội là người nhanh nhẹn giỏi giang, xử sự cũng được lòng người, đã chiêu tập dân Hán, dân Thổ và người Thanh đến ở, tụ họp đông đúc. Việc lựa chọn và bổ nhiệm này cho thấy vai trò lịch sử của người Hoa trong công cuộc khẩn hoang vùng đất phía Nam. Năm 1818, đạo Châu Đốc đổi thành đồn Châu Đốc (Nội các triều Nguyễn 2004: 30).

Năm 1832, khi tiến hành chia đặt tỉnh hạt ở Nam Kỳ, Minh Mệnh quyết định tách hai huyện Vĩnh An và Vĩnh Định thuộc Vĩnh Long, gộp với đất Châu Đốc lập ra tỉnh An Giang (Quốc sử quán triều Nguyễn 2006b: 394). Khu vực đạo Châu Đốc gộp với huyện Vĩnh Định thành huyện Tây Xuyên, tỉnh An Giang (Quốc sử quán triều Nguyễn 2006d: 185). Sau cải cách hành chính, tỉnh An Giang được thiết lập dựa trên sự sáp nhập các vùng đất mới giáp biên giới Việt Nam - Cao Miên, thuộc các con đường thủy bộ chiến lược Tiền Giang, Hậu Giang, Châu Đốc, tạo nên một địa bàn chiến lược về chính trị, quân sự. Trong đó, Châu Đốc giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Chính sử triều Nguyễn cho biết, triều đình nhiều lần bàn

định dời lý sở tỉnh An Giang khỏi Châu Đốc mà không thể thực hiện được. Điều này đúng như vua Gia Long từng khẳng định: “Châu Đốc, Hà Tiên bờ cõi không kém Bắc Thành” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2002: 946).

3.5. Các đạo Quang Hóa, Quang Phong và Thuận Thành

Đạo Quang Hóa được thành lập vào khoảng cuối thế kỷ XVIII. Tên gọi đạo Quang Hóa xuất hiện sớm nhất trong *Đại Nam thực lục* vào năm 1778, khi Thủ ngự đạo Quang Hóa là cai đội Lê Chử đem kim sách và quốc bảo của tiên triều dâng lên cho Nguyễn Anh. Các thư tịch cổ nhà Nguyễn đều cho biết, đạo Quang Hóa có nguồn gốc dồi dào, phong phú, chủ yếu được triều đình khai thác để đóng thuyền đi biển và thuyền chiến. Năm 1800, Khâm sai Cai đội Nguyễn Lý được cử làm Quản đạo Quang Phong, kiêm quản đạo Quang Hóa và đạo Thuận Thành.

Gia Định Thành thông chí cho biết: “Thủ sở (đạo Quang Hóa) ở bờ Bắc sông lớn, người nước ta, người Hoa, người Cao Miên cùng sinh sống làm ăn...” (Trịnh Hoài Đức 2019: 78). Đầu thời Gia Long, thủ sở đạo Quang Hóa thuộc địa phận thôn Cẩm Giang¹⁸ (Quốc sử quán triều Nguyễn 2006d: 241). Địa bạ tỉnh Gia Định ghi chi tiết: “Cẩm Giang Tây thôn, ở xứ Quang Hóa (trước là đạo Quang Hóa)... đất thành Quang Hóa một sở” (Nguyễn Đình Đầu 1994: 515). Dựa trên những ghi chép này và đối chiếu bản đồ Nam Bộ hiện nay, có thể xác định vị trí thủ sở đạo Quang Hóa nay thuộc xã Cẩm Giang, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Đạo Quang Phong ra đời vào khoảng cuối thế kỷ XVIII. Thủ sở của đạo Quang Phong

¹⁸ Theo tôi, phần này *Đại Nam nhất thống chí* đã ghi nhầm tên đạo Quang Hóa thành đạo Quang Phong.

cách núi Bà Đen khoảng 19.740 tầm (\approx 50km) với số lượng binh lính đóng giữ là 1 đội thuộc binh (Lê Quang Định 2002: 93). *Gia Định Thành thông chí* mô tả: “Từ sông Quang Hóa (thượng lưu sông Vàm Cỏ Đông) đi 91 dặm rưỡi đến thủ sở đạo Quang Phong, tiếp giáp địa giới nước Cao Miên” (Trịnh Hoài Đức 2019: 79). Địa bạ tỉnh Gia Định cho biết xứ Quang Phong thuộc thôn Hiếu Đức, tổng Bình Cách Trung, huyện Thuận An, phủ Tân An (Nguyễn Đình Đầu 1994: 516). Từ các ghi chép trên, đối chiếu với bản đồ Nam Bộ hiện nay, tác giả xác định thủ sở đạo Quang Phong nay thuộc địa phận huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh¹⁹.

Đạo Thuận Thành có lẽ cũng được thành lập vào khoảng giữa thế kỷ XVIII - giữa thế kỷ XIX. Thuận Thành cùng với Quang Phong nhiều năm thuộc quyền kiêm quản Quản thủ đạo Quang Hóa. Sách *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* cho biết thủ sở đạo Thuận Thành cách thủ sở đạo Quang Hóa 18.500 tầm (\approx 47km), số lượng binh lính đóng ở đây là 1 đội thuộc binh (Lê Quang Định 2002: 92). *Gia Định Thành thông chí* xác định thủ sở đạo Thuận Thành thuộc thôn Tân Hóa (Tân Bắc), tổng Bình Cách, huyện Thuận An (Trịnh Hoài Đức 2019: 331), trấn Phiên An. Vị trí hiện nay có thể xác định là thuộc địa phận xã Trà Vông, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Năm 1802, dưới sự tiến cử của Cai cơ Nguyễn Văn Tồn, Cai cơ đồn Xiêm Bình (sau đổi tên là đồn Uy Viễn) là Hồ Văn Thất được cử cai quản ba đạo Quang Hóa, Xi Khê (có lẽ là tên gọi khác của đạo Quang Phong) và Giao Dịch. Năm 1816, Tuân thành Cai đội Gia Định là Lê Văn Kiên làm Quản thủ đạo Quang Hóa, kiêm lãnh hai đạo

Thuận Thành và Quang Phong. Năm 1822, Khâm sai cai cơ Nguyễn Đức Triệu được cử làm Quản đạo đạo Quang Hóa. Năm 1825, Cựu Vệ úy vệ Tuyên võ Hậu quân ở thành Gia Định là Lê Văn Thái được cử làm Quản đạo đạo Quang Hoá. Năm 1828, Kỵ đô úy Nguyễn Văn Lân lĩnh Quản đạo đạo Quang Hoá. Năm 1829, Vệ úy Vũ Văn Chính lĩnh chức Quản đạo đạo Quang Hóa, kiêm quản 2 đồn Thuận Thành và Quang Phong. *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* cho biết số lượng binh lính đóng giữ ở thủ sở đạo Quang Hóa là 1 thuyền tinh binh và 3 đội thuộc binh.

Năm 1832, nhận thức được tầm quan trọng của đạo Quang Hoá, Minh Mệnh ra lệnh cho tỉnh Phiên An phải cắt cử quan lại, binh lính trú phòng ở đây. Đến năm 1833, cuộc chiến tranh Việt - Xiêm xảy ra, đạo Quang Hóa giữ vị trí, vai trò là tuyến đường bộ xung yếu nối liền với phủ Ba Cầu Nam của Chân Lạp. Chính vì vậy, triều đình nhà Nguyễn càng phải củng cố hệ thống đồn bảo và tăng cường lực lượng đóng giữ. Năm 1834, thành Quang Hoá được xây dựng, bổ sung quân đóng giữ để “ngghiêm việc phòng bị” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2006c: 206-207).

Năm 1836, sau sự biến Lê Văn Khôi, triều đình bắt đầu đặt phủ Tây Ninh thuộc tỉnh Gia Định, quản lý 2 huyện Tân Ninh và Quang Hoá. Kinh lược xứ Nam kỳ là Trương Minh Giảng và Trương Đăng Quế được cử đi thị sát, đặt phủ lỵ Tây Ninh ở đồn Xi Khê thuộc huyện Tân Ninh, đổi đạo Quang Hóa làm huyện Quang Hóa, lấy thành Quang Hóa làm huyện thành. Sau đó, Tổng đốc Gia Định là Nguyễn Văn Trọng xin lấy 30 xã dân Phiên cùng với 8 thôn dân Kinh thuộc huyện Thuận An giáp đạo Quang Hoá, chia làm 2 tổng, cho lệ thuộc vào huyện Quang Hoá. Mỗi tổng chọn một dân Kinh (người Việt) làm Cai tổng. Năm 1836 cũng là thời điểm tồn tại của đơn vị

¹⁹ Phạm Hoàng Quân xác định thủ sở đạo Quang Phong tương ứng với khu vực ngã ba Tức Tra - Cái Bạt (nay là rạch Cái Bạt) - Cái Cậy (nay là rạch Cái Cây), ứng địa bàn xã Biên Giới, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh ngày nay. Xem thêm: Trịnh Hoài Đức 2019: 175.

đạo cuối cùng (đạo Quang Hóa) ở khu vực Nam Bộ nói chung và vùng biên giới Tây Nam nói riêng dưới thời Nguyễn.

4. Tổ chức quản lý các đạo ở khu vực biên giới Tây Nam

Nhìn chung, các đơn vị đạo thuộc khu vực biên giới Tây Nam đều được bố trí ở những vùng đặc biệt xung yếu về cả an ninh nội địa và quốc phòng vùng biên. Việc thiết lập các đạo ở khu vực Tầm Phong Long từ năm 1757 của chính quyền chúa Nguyễn là bước mở đầu cho việc đưa dân tới định cư, biến vùng đất này thành nơi cư trú, sản xuất, là yếu tố quyết định để khẳng định chủ quyền của chính quyền Đàng Trong đối với vùng biên viễn phương Nam (Trần Thị Mai 2009: 188-189). Có thể thấy rằng, cho đến giữa thế kỷ XVIII, hệ thống hành chính của chính quyền Đàng Trong ngày càng trở nên hoàn chỉnh. Dinh là cấp chính quyền cao nhất ở địa phương. Đàng Trong gồm 12 dinh, riêng Hà Tiên gọi là trấn. Dưới dinh/trấn là phủ, bao gồm các huyện hoặc đạo, dưới có tổng bao gồm các xã, man, nậu, thuyền, v.v.. Đối với vùng đất phía Nam, sự kiện thành lập 5 đạo (Tân Châu, Đông Khâu, Châu Đốc, Long Xuyên, Kiên Giang) là một bước đi nằm trong tiến trình “mở đất” của chính quyền chúa Nguyễn. Quy mô các đạo thời kỳ này không lớn như các triều đại trước (là đơn vị cấp vùng - cấp hành chính địa phương cao nhất), mà chỉ tương đương cấp huyện (sau này đều đổi thành huyện).

Cho đến cuối thế kỷ XVIII, các đạo ở khu vực biên giới Tây Nam thuộc quyền quản lý của bốn dinh là Phiên Trấn, Vĩnh Trấn, Trấn Định và trấn Hà Tiên. Đứng đầu cấp đạo là chức Đạo thủ, thuộc hàng võ quan. Các đạo như Đông Khâu, Tân Châu, Hùng Ngự, Chiến Sai, v.v. sau khi ra đời đã nhanh chóng trở thành nơi tập trung dân cư đông

đúc, góp phần xác lập và thực thi chủ quyền của chính quyền chúa Nguyễn ở nơi đây. Sự thành lập các đạo ở khu vực biên giới Tây Nam dưới thời chúa Nguyễn cho thấy sự linh hoạt, nhưng có chiến lược rõ ràng trong việc vận dụng, phối hợp các giải pháp chính trị - quân sự và kinh tế - xã hội phục vụ công cuộc “mở đất” của chính quyền Đàng Trong. Tuy nhiên, quá trình này bị gián đoạn bởi những biến động khi vùng đất phía Nam trở thành chiến trường giằng co giữa các lực lượng Tây Sơn, Đông Sơn, Nguyễn Ánh, v.v.. Năm 1788, Nguyễn Ánh sau khi xưng vương đã cho thiết lập một hệ thống chính quyền mới ở khu vực Nam Bộ (Phan Huy Lê 2016: 490). Cùng với việc tổ chức lại chính quyền trung ương, Nguyễn Ánh còn đặc biệt quan tâm đến hệ thống hành chính tại các địa phương. Đơn vị đạo tiếp tục được duy trì với bộ máy quản lý gọn nhẹ, kết hợp chặt chẽ giữa quân lĩnh quân sự và quản lý hành chính. Đứng đầu cấp đạo thời kỳ này bao gồm các chức: Lưu thủ (hay còn gọi là Quản đạo, Quản thủ), Cai bạ và Ký lục. Như vậy, người có chức vụ cao nhất ở mỗi đạo là một viên võ quan, các chức Cai bạ và Ký lục phụ giúp quản lý các vấn đề dân sự. Cơ cấu như vậy tương tự như bộ máy chính quyền ở các dinh (Nguyễn Minh Tường 1996: 30) và được duy trì cho đến hết thời Gia Long và đầu thời Minh Mạng.

Một đặc điểm đáng lưu ý của các đơn vị đạo thuộc khu vực biên giới Tây Nam là luôn gắn liền với hệ thống các đồn, bảo, thủ, tãn, sở quân sự. Năm 1757, sau khi thu nạp đất Tầm Phong Long, nhằm ngăn chặn sự quấy nhiễu của người Chân Lạp và Xiêm La, chính quyền chúa Nguyễn đã dựng lên các đồn thủ: Trên đường bộ (một đạo binh đóng ở Tây Ninh, một đạo binh đóng ở Hồng Ngự) và đường thủy lập đồn hai bên bờ sông Cửu Long tại vị trí thủ sở các đạo Tân Châu, Châu Đốc và Đông Khâu (Nguyễn Văn Hầu 1970: 10). Trịnh Hoài

Đức cho biết thêm về vai trò phòng thủ, trấn giữ của hệ thống các đạo vùng biên giới Tây Nam: “Gia Định Thành phía Nam giáp với Cao Miên, có 4 đạo trấn giữ là Quang Hóa, Tuyên Oai, Tân Châu và Châu Đốc, lấy sông Tiền, sông Hậu làm hào tự nhiên” (Trịnh Hoài Đức 2019: 299). Về sau, hệ thống đồn bảo này được bổ sung và củng cố thêm, đồng thời có xu hướng dịch chuyển lên các địa điểm giáp giới với Chân Lạp như đồn Thông Bình (Tân Hồng, Đồng Tháp), bảo Hùng Ngự mới (thị xã Hùng Ngự, Đồng Tháp), thủ sở đạo Tân Châu mới (thị xã Tân Châu, An Giang), v.v..

Năm 1808, Gia Long bắt đầu cho tiến hành cải biến các đạo thành huyện ở khu vực Nam Bộ. Các quan lại ở Gia Định thành tâu xin bổ nhiệm chức Tri huyện, thành lập các huyện nha để quản lý công việc. Vua Gia Long chuẩn y đề nghị, tuy nhiên ra lệnh riêng đối với các đạo Long Xuyên, Kiên Giang, Đông Khẩu, Đồng Môn, Hưng Phúc, Trấn Giang thuộc về địa giới huyện nào thì không phải đặt huyện nha nữa, vẫn cho Quản đạo kiêm lý công việc của huyện (Quốc sử quán triều Nguyễn 2002: 738). Có thể thấy, trên danh nghĩa các đạo đã được đổi thành các huyện, song Gia Long không muốn tạo ra sự xáo trộn bộ máy chính quyền tại các khu vực này. Đạo đóng vai trò là một đơn vị tiền thân của huyện, các huyện được thành lập trên cơ sở các đạo thì đều lấy thủ sở đạo làm huyện lỵ, tiêu biểu như huyện lỵ Bình Dương ở đạo Quang Uy, huyện lỵ Vĩnh An ở đạo Đông Khẩu (Quốc sử quán triều Nguyễn 2002: 856), v.v..

Sang thời Minh Mệnh, việc thay thế và hoàn thiện bộ máy quản lý hành chính ở các huyện mà trước đó là đạo mới thực sự được tiến hành. Có thể xem xét thêm trường hợp của hai đạo Long Xuyên và Kiên Giang, được chuyển đổi thành huyện vào năm 1808. Năm 1825, triều đình bổ nhiệm thêm chức vụ Tri huyện bởi “nay Quản đạo và

Hiệp thủ đều do quân ngũ xuất thân, khó làm nổi việc cai trị, xin chọn lấy ở các viên Tri huyện hiện thuộc hạt thành, người nào biết việc có thể làm được thì đổi đến mới xứng chức” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2006a: 400). Dựa trên lời tâu, Minh Mệnh sai bãi bỏ chức Hiệp thủ, đặt chức Tri huyện. Theo quy định, chức Tri huyện thuộc hàm quan văn, trật tòng lục phẩm (Nội các triều Nguyễn 2004: 126). Đến năm 1829, Minh Mệnh nhận định huyện Long Xuyên đã có chức Tri huyện và Huyện thừa, chức vụ Quản thủ là “do việc tòng quyền, so với quan chế mới định thì không có chức hàm ấy” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2006a: 837) nên sai thành thân Gia Định sửa đổi. Cuối cùng, triều đình quyết định đổi Quản thủ thành Thủ ngự, trật chánh lục phẩm, chỉ chuyên trách việc tuần phòng tại thủ sở. Đến đây, việc chuyển giao và chuyên môn hóa quyền hạn giữa các chức vụ tại các huyện (tiền thân là đạo) được hoàn tất. Khi phân tích ý tưởng về việc thay thế bộ máy nhân sự cấp cao từ quan võ sang quan văn ở lục tỉnh Nam Kỳ năm 1832, tác giả sách *Vùng đất Nam Bộ dưới triều Minh Mạng (1820-1840)* cho rằng đó là một trong những bước đi của Minh Mệnh nhằm giải thể quyền lực ở Nam Kỳ (Choi 2019: 152-156). Nhưng có lẽ, sự giải thể này là một quá trình từ dưới lên trên, có sự chuẩn bị lâu dài và không chỉ nằm ở hệ thống quan lại cấp cao đứng đầu các trấn/tỉnh.

5. Kết luận

Các đạo ở khu vực biên giới Tây Nam có lịch sử gắn liền với quá trình khai phá, xác lập và khẳng định chủ quyền của các chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn đối với vùng đất mới phương Nam. Đạo ban đầu là đơn vị mang tính chất quân sự - hành chính rõ nét, thường được thiết lập tại những vùng đất mới thu phục, đặt dưới

quyền cai quản của các viên võ quan, cùng với bộ máy quản lý mang tính chất quân quản, gắn liền với hệ thống đồn, thủ, bảo làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh biên giới, lãnh thổ ở phía Tây Nam. Khi ấy, đạo đóng vai trò là bước trung gian, giai đoạn chuyển tiếp trước khi trở thành một đơn vị hành chính thực thụ, tức là cấp huyện. Sự chuyển đổi từ đơn vị đạo sang huyện cho thấy chủ trương thống nhất bộ máy tổ chức hành chính trong cả nước từ thời Gia Long đến thời Minh Mệnh. Cùng với đó là quá trình nỗ lực thiết lập bộ máy kiểm soát của chính quyền trung ương đến tận các vùng biên viễn xa xôi. Hàng loạt các động thái như chia đặt lại phủ huyện, điều tra dân số, quy hoạch xã, thôn, xây dựng hệ thống đồn điền, v.v. đã cho thấy rõ chủ trương của triều Nguyễn. Nghiên cứu quá trình thiết lập, chuyển đổi từ đơn vị đạo sang đơn vị huyện ở khu vực biên giới Việt Nam - Chân Lạp giai đoạn giữa thế kỷ XVIII - giữa thế kỷ XIX góp phần làm sáng tỏ chiến lược lâu dài của chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn đối với vùng biên viễn Tây Nam.

Tài liệu trích dẫn

- Cao Thanh Tân. 2009. *Lịch sử khai phá và bảo vệ chủ quyền vùng đất Châu Đốc thời Nguyễn*. Hà Nội: Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
- Choi Byung Wook. 2019. *Vùng đất Nam Bộ dưới triều Minh Mạng (1820-1841)*. Hà Nội: Nhà xuất bản Hà Nội.
- Đình Khắc Thuần. 2001. “Chính quyền địa phương thời Mạc”. Tạp chí *Hán Nôm* 2 (47): 16-23.
- Đỗ Quỳnh Nga. 2013. *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Hội nghiên cứu Đông Dương. 2017a. *Địa lý học: Tự nhiên, kinh tế và lịch sử Nam kỳ - Chuyên khảo về tỉnh Sa Đéc*. Nguyễn Nghị, Nguyễn Thanh Long dịch. Tập VIII (1903). Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Trẻ.
- Hội nghiên cứu Đông Dương. 2017b. *Địa lý học: tự nhiên, kinh tế và lịch sử Nam Kỳ - Chuyên khảo về tỉnh Châu Đốc*. Nguyễn Nghị, Nguyễn Thanh Long (dịch). Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Trẻ.
- Hội nghiên cứu Đông Dương. 2017c. *Địa lý hình thể kinh tế và lịch sử Nam bộ Việt Nam: Chuyên khảo về tỉnh Sa Đéc*. Trần Bích Vân dịch, Nguyễn Hữu Hiếu hiệu đính và chú thích. Tập VIII. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Văn hóa - Văn nghệ.
- Lê Quang Định. 2002. *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*. Huế: Nhà xuất bản Thuận Hóa.
- Li Tana. 2014. *Xứ Đàng Trong: Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ 17-18* (Nguyễn Nghị dịch). Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Trẻ.
- Lương Chánh Tông. 2019. “Bảo - đồn - thành Châu Đốc trong lịch sử”. Trang 30-60 trong sách *Lịch sử 260 năm từ Châu Đốc đạo đến thành phố Châu Đốc (1757-2017)*. Hà Nội: Nhà xuất bản Sân khấu.
- Minoru Katakura. 1977. *Betonamu no rekishi to higashi Ajia - zen kindai hen* (Lịch sử Việt Nam với Đông Á), Tokyo: Sugiyama Shoten.
- Nội các triều Nguyễn. 2004. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ. Tập II*. Huế: Nhà xuất bản Thuận Hóa.
- Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê. 1998a. *Đại Việt sử ký toàn thư*. Tập 1. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
- Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê. 1998b. *Đại Việt sử ký toàn thư*. Tập 2. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
- Nguyễn Đình Đầu. 1994. *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn: tỉnh Gia Định*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Minh Tường. 1996. *Cải cách hành chính dưới thời Minh Mệnh (1820-1840)*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Nguyễn Văn Hầu. 1970. “Sự thôn thuộc và khai thác đất Tâm Phong Long (chặng cuối cùng của cuộc Nam tiến)”. Tập san *Sử Địa*. Sài Gòn: Nhà sách Khai Trí. Số 19-20: 3-24.
- Poliakov Alexey Boresovik. 1996. *Sự phục hưng của nước Đại Việt thế kỷ X-XIV*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam.

- Phạm Đức Anh. 2015. *Mô hình tổ chức nhà nước ở Việt Nam thế kỷ X -XIX*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phạm Đức Anh. 2019. “Tổ chức và quản lý các cấp hành chính địa phương dưới triều Trần (1226-1400)”. Tạp chí *Khoa học Xã hội và Nhân văn* 5, số 3: 329-345.
- Phan Huy Chú. 2007. *Lịch triều hiến chương loại chí*. Tập 1. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.
- Phan Huy Lê (Chủ biên). 2016. *Vùng đất Nam bộ - Quá trình hình thành và phát triển*. Tập 1. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Phan Huy Lê. 2008. “Thắng lợi của sự nghiệp giải phóng Đông Quan và vị trí lịch sử của vương triều Lê sơ”. Trang 12-20 trong sách *Khởi nghĩa Lam Sơn và sự thành lập vương triều Lê*. Hà Nội: Nhà xuất bản Hà Nội.
- Phan Khoang. 2016. *Việt sử: Xứ Đàng Trong (1558-1777)*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. 2002. *Đại Nam thực lục*. Tập 1. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. 2006a. *Đại Nam thực lục*. Tập 2. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. 2006b. *Đại Nam thực lục*. Tập 3. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. 2006c. *Đại Nam thực lục*. Tập 4. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. 2006d. *Đại Nam nhất thống chí*. Tập 5. Huế: Nhà xuất bản Thuận Hóa.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. 2007. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Tập 1. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.
- Sakurai Yumio. 1980. “Richo-ki Kôga deruta Keitaku shiron” (Đồng bằng sông Hồng dưới thời Lý). *Tonan Ajia Kenkyu* (Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*), 18, 2 (9/1980), N.41.
- Son Nam. 2009. *Tìm hiểu đất Hậu Giang và lịch sử đất An Giang*. Tp. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Trẻ.
- Taylor Keith Weller. 1990. Authority and Legitimacy in 11th centuries Vietnam. In David Marr and A.C Milner (co-editor), *Southeast Asia in the 9th – 14th centuries*. Institute of Southeast Asia Studies, Singapore, p.139-176
- Trần Nhất Linh. 2006. *Quá trình hình thành và phát triển trấn Hà Tiên từ năm 1708 đến năm 1771*. Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trần Thị Mai. 2009. “Về công cuộc khai phá vùng đất Tầm Phong Long (từ giữa thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX)”. Trang 180-189, in trong *Nam Bộ đất và người*. Tập VII. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trần Thị Vinh. 2008. “Thiết chế bộ máy chính quyền nhà nước thời Lý (1010-1225)”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, 6: 40-49.
- Trần Thị Vinh. 2013. “Chính quyền nhà nước thời Mạc”. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* 5 (445): 15-16.
- Trịnh Hoài Đức. 2019. *Gia Định Thành thông chí* (Phạm Hoàng Quân dịch và chú giải). Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.